

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K,
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **54 /2020/HS-ST**

Ngày: **28/9/2020**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Vũ Đức Bính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 54/2020/TLST-HS ngày 04/09/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HS ngày 16/09/2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm 1984; giới tính: nam; nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1952, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1941; có vợ Nguyễn Thị N, sinh năm 1988 và có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án: không. Tiền sự: 01 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 201/QĐ-XPHC ngày 8/10/2019 của Công an huyện K xử phạt số tiền 2.000.000 đồng về hành vi “đánh bạc”, đã chấp hành xong vào ngày 24/7/2020.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/5/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Phan Văn B, sinh năm 1980; giới tính: nam; nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 4, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

Bố đẻ: Phan Công V, sinh năm 1930 mẹ đẻ: Vũ Thị X, sinh năm 1933; Vợ: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984; Con: có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/5/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- **Người bị hại:** Anh Lê Đức A, sinh năm 1990; trú tại: xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Vợ chồng ông Trần Văn T2, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968; trú tại: xóm 4, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; trú tại: xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984; trú tại: xóm 4, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1956; trú tại: xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Ông Mai Văn Đ1, Vũ Văn T4; anh Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn P1. Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 17/5/2020, B gọi điện thoại rủ T đi trộm cắp thì T đồng ý; tối cùng ngày, T đến nhà B ăn cơm, sau đó cùng nhau sử dụng ma túy và thống nhất đi trộm cắp ngan ở xóm T, xã V, huyện K.

Đến khoảng 00 giờ ngày 18/5/2020, B điều khiển xe mô tô BKS 35N2-2060 chở T mang theo 04 bao xác rắn và 02 đoạn dây buộc có sẵn ở nhà B cuộn lại để ở xe đi đến nhà anh Lê Đức A ở xóm T, xã V, huyện K. Khi đến nơi, B đứng trên đường cảnh giới còn T đi đến chuồng nuôi ngan của gia đình anh Đ. Quan sát thấy chuồng nuôi ngan khó đột nhập nên T quay ra cùng B đi về nhà B lấy thêm dụng cụ.

Lần này, T đi 01 đôi ủng màu xanh, 01 đôi găng tay màu đen, mặc 01 áo dài tay màu xanh, đội 01 mũ bảo hiểm màu đen cùng B mang thêm 01 chiếc “mai” kim loại, 01 kim kim loại đều của nhà B. Khi đến đoạn đường vào xóm T, cách chuồng ngan của gia đình anh Đức A 01 con sông, T xuống xe mang theo các đồ vật kể trên đi qua cầu gỗ bắc qua sông sang chuồng ngan của gia đình anh Đức A để thực hiện hành vi trộm cắp. B làm nhiệm vụ cảnh giới, chờ T lấy trộm được ngan mang ra thì chở về nhà B cất giấu.

Đến khu vực chuồng ngan, T gỡ tấm thép “B40” rào ở xung quanh vườn để lấy lối đi vào, dùng mai kim loại bẫy 03 song sắt của ô cửa sổ thứ hai ở phía đông chuồng ngan tạo được ô trống có kích thước (32x55) cm trên cửa sổ, T chui vào trong, dùng tay bắt lần lượt từng con ngan khóa chéo 02 cánh vào nhau cho vào trong bao. Quá trình T đang bắt ngan thì phát hiện trong chuồng ngan có lắp camera giám sát nên T dùng mũ bảo hiểm đang đội trên đầu để che camera lại và tiếp tục bắt ngan, khi bắt được 07 con ngan T cho vào 01 bao xác rắn, dùng dây buộc chặt đầu bao, mang ra ngoài để trên mép bờ sông, cách chuồng ngan khoảng 30m. Sau đó, T tiếp tục quay vào chuồng bắt thêm 06 con

ngan nữa cho vào bao xác rắn, dùng dây buộc chặt đầu bao rồi rời khỏi chuồng ngan theo lối đã vào.

Trong lúc đang mang 06 con ngan ra ngoài cách chuồng ngan được 25m, T bị anh Đức A phát hiện, tri hô và đuổi bắt. T vớt toàn bộ số ngan đã bắt được, bỏ chạy theo đường bờ sông được 50m thì bị trượt chân xuống ruộng lúa của gia đình anh Đức A, T bỏ chạy trên ruộng lúa về phía Nam được 30m thì bị anh Đức A đuổi kịp, hai bên giằng co, vật lộn nhau; trong lúc vật lộn T dùng chiếc kim kim loại mang vệt trún tay của anh Đức A, do bị T đánh, Đức A rút que luồng cắm gần đó đánh lại T, Ngay sau khi bắt được T, anh Đức A đã giao T cho công an xã V giải quyết, T được đưa đi cấp cứu; Về phía B khi thấy T bị phát hiện, B đã điều khiển xe mô tô về nhà.

Công an xã V đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ tại hiện trường: 13 con ngan đực, 04 bao xác rắn, 01 mai kim loại dài 170cm lưỡi mai có KT(28,5x18,5)cm; 02 thanh sắt KT (57x1x1)cm; 02 đoạn dây dứa màu đỏ; 01 chiếc ủng bên trái màu xanh dương cỡ 41 KT(30x24)cm; 01 áo sơ mi màu xanh KT (85x77)cm cỡ áo 40, tại túi áo có ghi chữ “thanh niên Việt Nam”; 01 dây thừng dài 205 cm dày 1 cm. Công an xã V tiến hành cân 13 con ngan đực trong 2 bao xác rắn có tổng khối lượng 66,7kg, trong đó có 03 con ngan tổng khối lượng 15,5kg đã chết; trả lại cho anh Lê Đức A 10 con ngan còn sống có khối lượng 51,2kg, tiêu hủy 03 con ngan bị chết có khối lượng 15,5kg.

Kết luận định giá tài sản số 22/HĐĐG ngày 18/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: tổng giá trị tài sản của anh Đức A bị trộm cắp là 3.801.900 đồng.

Tại cơ quan điều tra hai bị cáo B và T còn khai nhận cùng nhau thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản vào khoảng 01 giờ không nhớ ngày chính xác trong tháng 3/2020. B điều khiển xe mô tô BKS 35N2-2060 chở T đến nhà ông Trần Văn T2; B đứng ngoài canh giới, T mang theo bao xác rắn vào chuồng bắt được 06 con ngan đực loại ngan khoảng 06kg/con, tổng khối lượng khoảng 36kg cho vào bao xác rắn mang về nhà B cất giấu. Sáng hôm đó, B bán cho người đi đường không quen biết được số tiền 800.000 đồng và chia cho T 400.000 đồng, số tiền này T và B đã tiêu xài hết.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 43/HĐĐG ngày 28/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01kg ngan thịt, loại ngan đực, mỗi con có trọng lượng 06kg, được nuôi từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2020 có giá 52.000đồng. Như vậy, giá trị tài sản tại thời điểm của ông Trần Văn T2 bị thiệt hại là 1.872.000 đồng.

Quá trình điều tra thu giữ của T: 01 quần jean màu xanh, 01 áo phông cộc tay sáng màu, 01 điện thoại di động Mobell màu đen S30 rạn nứt màn hình cảm ứng có số Imei 510101600106660, không lên nguồn. Thu giữ của Phan Văn B: 01 điện thoại di động Mobell màu đen cũ số Imei là 810093600106660, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh BKS 35N2 – 2060. Thu giữ của Lê Đức A: 01 mũ bảo hiểm màu đen có vạch trắng trên mũ có chữ “Safe” KT (27x17)cm. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K tiến hành truy tìm 01 đôi găng tay màu đen; 01 kim kim loại màu đỏ và 01 thanh sắt của sô chuồng ngan ở khu vực hiện trường nhưng không có kết quả.

Thương tích do T gây ra cho anh Đức A bị thương sưng nề bầm tụ máu KT (6x5) cm tại vị trí gốc chân các ngón út và ngón nhẫn bàn tay trái; đồng thời Trường cũng bị anh Đức A vụt que gây vết thương rách da đỉnh đầu, chấn động não điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình từ ngày 18/5/2020 đến ngày 21/5/2020 thì xuất viện. Anh Lê Đức A và Phạm Văn T từ chối đi giám định tỷ lệ % sức khỏe bị tổn hại.

Quá trình điều tra công an huyện K đã trả lại cho ông T3 01 xe mô tô Honda Wave màu xanh BKS 35N2-2060. Vật chứng CQĐT chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện K: 04 bao xác rắn, 01 mai kim loại, 02 thanh sắt, 02 đoạn dây, 01 ủng, 01 dây thừng, 01 quần Jean, 01 áo sơ mi màu xanh, 01 áo phông, 01 điện thoại di động Mobell màu đen S30, 01 điện thoại di động Mobell màu đen cũ, 01 mũ bảo hiểm.

Gia đình 02 bị cáo đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho gia đình ông T2. Đối với thiệt hại gây ra cho gia đình anh Đức A, các bị cáo chưa bồi thường. Bị hại Lê Đức A yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 60 con ngan đẻ và 03 con ngan bị chết và các thiệt hại khác gồm: chi phí sửa chiếc điện thoại Samsung J6 Plus bị rơi xuống nước phải sửa chữa hết 400.000 đồng; thiệt hại trong quá trình bắt T có dẫm đạp lên ruộng lúa thiệt hại khoảng 50kg lúa tạp giao có giá khoảng 8.000 đồng/kg; thiệt hại về khả năng sinh sản của đàn ngan khi bị mất số ngan đẻ kể trên làm mất cân đối đàn ngan.

Bản cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 03/9/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố: Phan Văn B và Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2, Điều 173; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 21 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/05/2020.

+ Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Phan Văn B từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/05/2020.

- Căn cứ Điều 47 BLHS 2015; Điều 106, 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

+ Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật

+ Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan Công an huyện K và tại phiên tòa Phan Văn B và Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh

Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Văn B, Phạm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án của Tòa án đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người chứng kiến, hình ảnh camera của gia đình anh Đức A. Còn phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: Kết luận định giá tài sản, vật chứng liên quan còn thu giữ là 13 con ngan và các dụng cụ mà các bị cáo sử dụng để trộm cắp gồm 04 bao xác rắn, 01 mai kim loại, 02 thanh sắt, 02 đoạn dây, 01 ủng, 01 dây thừng.

[3] Từ những chứng cứ đó, đã có đầy đủ cơ sở kết luận: khoảng 00 giờ 18/5/2020 tại gia đình anh Lê Đức A ở xóm T, xã V, huyện K; bị cáo Phan Văn B và Phạm Văn T lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút trộm cắp 13 con ngan trị giá 3.801.900đ; Hành vi đó của Phan Văn B và Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Phan Văn B tham gia trộm cắp tài sản có trị giá 3.801.900đ là phạm tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Văn T, tuy cùng B tham gia trộm cắp tài sản có trị giá 3.801.900đ ; nhưng khi bị anh Đức A chủ sở hữu tài sản phát hiện đuổi bắt đã có hành vi dùng kim sắt mang theo đánh lại anh Đức A để tẩu thoát, làm anh Đức A bị thương sưng nề bầm tụ máu KT (6x5) cm tại vị trí góc chân các ngón út và ngón nhẫn bàn tay trái nề là phạm tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp “ hành hung để tẩu thoát được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhận thức rất rõ trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật; song để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo, đặc biệt là các bị cáo giữ vai trò chính nhằm răn đe phòng ngừa chung.

[5] Trong vụ án này HĐXX thấy: vụ án có hai bị cáo tham gia nhưng phạm tội mang tính giản đơn không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ; nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra:

Bị cáo Phan Văn B là người chủ động khởi xướng, rủ rê bị cáo T tham gia trộm cắp tài sản, chuẩn bị phương tiện, dụng cụ thực hiện trộm cắp, tham gia tích cực; giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Bị cáo Phạm Văn T là người đã bị xử phạt hành chính về hành vi “ đánh bạc” chưa được xóa tiền tích, biết việc trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng không ngăn cản mà đồng thuận tham gia ngay, chủ động, tích cực thực hiện hành vi trộm cắp tài sản giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[6] Khi lượng hình HĐXX xét: Cả hai bị cáo B và T không có tình tiết tăng nặng. Cả hai bị cáo B và T đều có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo B có thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình phạt.

Đối với bị cáo T: có hành vi dùng hung khí là kim sắt mang theo đánh lại anh Đức A để tẩu thoát; nhưng hậu quả của hành vi gây thương tích cho anh Đức A, không lớn chỉ sưng nề bàn tay, bản thân bị cáo T cũng bị anh Đức A đánh gây chấn động não, có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS; do đó hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 54 BLHS khi lượng hình phạt, xử lý bị cáo dưới khung hình phạt thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật. Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo thấy: bị cáo phạm tội nghiêm trọng; tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ; nhưng nhân thân có tiền tích chưa được xóa; trước đó còn có hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa đến mức xử lý hình sự; không đủ điều kiện áp dụng chế định án treo quy định tại Điều 65 BLHS mà vẫn phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đảm bảo giáo dục cải tạo bị cáo thành người công dân có ích.

Đối với bị cáo B: mặc dù bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS; nhưng bị cáo giữ vai trò đầu vụ, trước đó còn có hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa đến mức xử lý hình sự; nên không áp dụng áp dụng khoản 1 điều 54 BLHS khi lượng hình phạt không đủ điều kiện áp dụng chế định án treo quy định tại Điều 65 BLHS mà vẫn phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đảm bảo giáo dục cải tạo bị cáo thành người công dân có ích.

[7] Quá trình điều tra, anh Đức A khai báo ngoài 13 con ngan đẻ nêu trên anh Đức A còn bị mất 60 con ngan đẻ mỗi con có khối lượng 05 kg, tuy nhiên quá trình điều tra không có căn cứ cho rằng T và B đã trộm cắp số ngan này nên không có cơ sở xử lý đối với các bị cáo.

[8] Khi phát hiện hành vi trộm cắp tài sản của T và tiến hành bắt giữ T. Do muốn chạy thoát nên T dùng chiếc kim kim loại mang theo để túi quần bên phải đánh lại anh Đức A; đồng thời Đức A cũng rút que luồng cấm gần đó đánh lại T; T vụt trúng bàn tay làm cho tay của anh Đức A bị thương sưng nề bầm tụ máu KT (6x5) cm tại vị trí gốc chân các ngón út và ngón nhẫn bàn tay trái, Trường cũng bị anh Đức A vụt gây vết thương rách da đỉnh đầu, chấn động não. Anh Lê Đức A và Phạm Văn T từ chối đi giám định tỷ lệ % sức khỏe bị tổn hại nên không có căn cứ để xử lý về vấn đề này.

[9] Hành vi trộm cắp tài sản trong tháng 3/2020 của hai bị cáo tại nhà ông Trần Văn T2 mà tài sản trộm cắp là 06 con ngan đẻ loại ngan khoảng 06kg/con, tổng khối lượng khoảng 36kg theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 43/HĐĐG ngày 28/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: tổng giá trị là 1.872.000 đồng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; Hành vi đó của các bị cáo đã được Cơ quan công an huyện K xử phạt hành chính là phù hợp quy định pháp luật HĐXX không xem xét lại.

[10] Hành vi sử dụng ma túy của hai bị cáo tại nhà bị cáo B đã được Cơ quan công an huyện K xử phạt hành chính là phù hợp quy định pháp luật HĐXX không xem xét lại.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Thiệt hại tài sản do hai bị cáo trộm cắp gia đình 02 bị cáo đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho gia đình ông T2, gia đình ông T2 không có yêu cầu nào khác nên HĐXX không xem xét lại.

Đối với thiệt hại gây ra cho gia đình anh Đức A do hành vi trộm cắp ngày 18/05/2020 bao gồm: 03 con ngan bị chết có tổng khối lượng 15,5 kg trị giá 883.500đ, chi phí sửa chiếc điện thoại Samsung J6 Plus bị rơi xuống nước phải sửa chữa hết 400.000 đồng; thiệt hại lúa là 400.000đ; Tổng cộng 1.683.500đ. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường 4.602.000đ nhưng anh Đức A không nhận; các bị cáo đã nộp số tiền trên tại cơ quan thi hành án thể hiện tại biên lai số AA 1049 ngày 25/09/2020 của chi cục THADS huyện K; tại phiên tòa các bị cáo không có yêu cầu xem xét lại số tiền tự nguyện bồi thường đã nộp trước mà để cho anh Đức A thụ hưởng toàn bộ. Việc tự nguyện bồi thường trước vượt quá thiệt hại phải bồi thường của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện; căn cứ Điều 585, 586, 587, 589 BLDS được hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các thiệt hại khác người bị hại yêu cầu gồm: thiệt hại về khả năng sinh sản của đàn ngan khi bị mất số ngan đực kể trên làm mất cân đối đàn ngan và bồi thường 60 con ngan đực bị mất trước đó; nhưng anh không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không được HĐXX chấp nhận.

Anh Lê Đức A và Phạm Văn T từ chối đi giám định tỷ lệ % sức khỏe bị tổn hại không có yêu cầu xem xét bồi thường thiệt hại sức khỏe nên HĐXX không xem xét về vấn đề này.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh BKS 35N2-2060 qua điều tra thuộc sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Anh T3 cho chị T1 là vợ B mượn để sử dụng, ông T3 và chị T1 không biết việc B sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản, Công an huyện K đã trả lại cho ông T3; ông T3 đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác; việc trả lại tài sản này cho ông T3 là phù hợp quy định pháp luật HĐXX không xem xét lại.

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo T gồm : 01 quần jean màu xanh, 01 áo phông cộc tay sáng màu, 01 điện thoại di động Mobell màu đen S30 rạn nứt màn hình cảm ứng có số Imei 510101600106660 , không lên nguồn, là tài sản riêng của bị cáo không phải là tài sản do phạm tội mà có hay liên quan đến vụ án nhưng không còn giá trị sử dụng, bị cáo T không nhận lại cần tịch thu tiêu hủy

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo Phan Văn B gồm: 01 điện thoại di động Mobell màu đen cũ số Imei là 810093600106660 là phương tiện liên lạc của bị cáo T trộm cắp cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với vật chứng thu giữ tại hiện trường gồm 04 bao xác rắn, 01 mai kim loại, 02 thanh sắt kích thước (57x1x1) cm; 02 đoạn dây dứa màu đỏ, 01 chiếc ủng bên trái, 01 áo sơ mi màu xanh, 01 dây thừng đều là những vật không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy

Đối với vật chứng thu giữ của Lê Đức A gồm: 01 mũ bảo hiểm màu đen có vạch trắng trên mũ có chữ “Safe” KT (27x17)cm là tài sản không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy

Đối với 01 đôi găng tay màu đen, 01 kim kim loại màu đỏ, 01 chiếc ủng bên phải và 01 thanh sắt cửa sổ chuồng ngan ở khu vực hiện trường Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả, nên không có cơ sở xử lý các vật chứng này.

[13] Các bị cáo phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật tại Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: các bị cáo Phan Văn B và Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

- Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/05/2020.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s, khoản 1, 2 Điều 51 Điều BLHS. Xử phạt bị cáo Phan Văn B 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/05/2020.

2. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi xanh, 01 chiếc ủng bên trái, 01 mai kim loại, 04 bao xác rắn, 01 dây thừng, 02 đoạn dây dứa màu đỏ, 02 thanh sắt, 01 quần jean màu xanh, 01 áo phông cộc tay sáng màu, 01 điện thoại di động Mobell màu đen S30 rạn nứt màn hình cảm ứng có số Imei 510101600106660; 01 mũ bảo hiểm màu đen có vạch trắng trên mũ có chữ “Safe” KT (27x17)cm.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động Mobell màu đen cũ số Imei là 810093600106660.

- Trả cho anh Lê Đức A số tiền 4.602.000đ do các bị cáo tự nguyện bồi thường theo biên lai số AA 1049 ngày 25/09/2020 của chi cục THADS huyện K.

3. Án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Công an Huyện K,
- UBND xã Đ;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: HS&VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh